

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH AN
TỈNH CAO BẰNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/HSST
Ngày 18/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Minh Giang

2. Ông Trần Đình Vỹ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Vũ Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2019 Tòa án nhân dân huyện Thạch An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2019/HSST ngày 18/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST ngày 04/4/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: Nhà C, xã C, huyện T, tỉnh C;

Chỗ ở hiện nay: Nhà C, xã C, huyện T, tỉnh C;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Lục Ích L, sinh năm 1960; Con bà: Lê Thị B, sinh năm 1962; Anh chị em ruột: Có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ; con: Không có.

Nhân thân:

Tiền sự: Không có;

Tiền án: Có 01 tiền án ngày 28 tháng 10 năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh C xử phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2014/HSST, đến ngày 24/01/2016, Nguyễn Văn L đã chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, tính đến ngày phạm tội bị cáo L chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T từ ngày 04/01/2019
- Có mặt tại phiên tòa.

- Những người bị hại:

- Trường Mầm non C, người đại diện là bà Lương Bích L - Có mặt;

1. Bà Lô Thị T - Có mặt;
2. Bà Nguyễn Thị T
3. Bà Hà Thị N
4. Ông Nguyễn Trần L
5. Ông Lô Văn X
6. Anh Chu Văn T

Cùng địa chỉ: Nhà C, xã C, huyện T, tỉnh C

- Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Minh H

Địa chỉ: Nhà C, xã C, huyện T, tỉnh C - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng 02 giờ sáng ngày 27 tháng 5 năm 2017 Nguyễn Văn L mang theo 01 (một) chìa khóa tự chế có hình chữ (T) đi từ nhà đến trường cấp I, xã C, huyện T mục đích để trộm cắp tài sản, khi đi đến cổng trường, L trèo qua tường rào phía bên phải cổng trường để vào trong, khi đi đến cửa phòng Hội đồng của Nhà trường, L dùng chìa khóa tự chế để mở khóa cửa, khi mở được khóa cửa L vào trong phòng phát hiện có 01 (Một) chiếc ti vi còn để trong hộp, L bê chiếc ti vi ra ngoài rồi đóng cửa phòng lại và đi ra lối theo lối đã vào mang lên đồi cách nhà khoảng 100m cất giấu xong L đi về nhà ngủ, đến khoảng 14 giờ cùng ngày L lên đồi lấy ti vi đến nhà anh K để bán nhưng không bán được, sau đó L lại mang ti vi sang nhà ông Lê Minh H hỏi ông H “có mua ti vi không” thì ông H trả lời “ti vi gì” L nói “Ti vi màn hình phẳng”, ông H nói “lấy về xem” L và ông H cùng mở hộp đựng ra xem ti vi, L lại hỏi “có lấy không” ông H trả lời “bao nhiêu tiền” L nói “Một triệu rưỡi” ông H nói “Một triệu rưỡi không lấy đâu” L lại hỏi “thế bao nhiêu thì lấy” ông H nói “thế một triệu thì lấy” rồi L nói “Một triệu thì một triệu”. Trong lúc trao đổi mua bán ông H có hỏi L “ti vi lấy ở đâu” L nói dối là “Thằng bạn ở bên Đ nhờ bán hộ” sau đó ông H đưa cho L 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng) và nói với L “lấy bằng này trước, tối quay lại lấy”, L đồng ý nhận lấy tiền và đi ra thành phố C mua ma túy về sử dụng, đến trưa ngày hôm sau L đến nhà ông H lấy 400.000,đ (bốn trăm nghìn đồng) với ông H.

Ngoài vụ trộm cắp trên trong tháng 3 và tháng 4 năm 2017 Nguyễn Văn L còn thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản khác tại địa phương, cụ thể:

Lần 1: Trong tháng 3 năm 2017, khoảng 01 giờ sáng Nguyễn Văn L đi bộ từ nhà có cầm theo 01 bao tải màu vàng đến nhà bà Nguyễn Thị T trộm 05 (Năm) con gà, trong đó có 03 con gà mái màu nâu đen mỗi con nặng khoảng 1,2 kg, 02 con gà trống thuần có màu lông nâu đen mỗi con nặng khoảng 02 kg cho vào một bao tải rồi đem lên thành phố C bán được 700.000,đ (Bảy trăm nghìn đồng).

Lần thứ 2: Trong tháng 3 năm 2017, khoảng 23 giờ Nguyễn Văn L đi bộ từ nhà có mang theo 01 chiếc bao tải màu vàng đến nhà ông Nguyễn Hùng T (vợ là bà Hà Thị N) trộm 07 (Bảy) con gà mái màu lông nâu đen, mỗi con nặng khoảng 01 kg, đem lên thành phố C bán được 900.000,đ (Chín trăm nghìn đồng).

Lần thứ 3: Trong tháng 3 năm 2017, khoảng 21 giờ Nguyễn Văn L đến nhà ông Nguyễn Trần L trộm 03 (Ba) con gà công nghiệp chân to, rồi đem về nhà cất giấu và đem lên thành phố C bán được 280.000,đ (Hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Lần thứ 4: Trong tháng 3 năm 2017, khoảng 22 giờ Nguyễn Văn L đi bộ từ nhà đến nhà anh Lô Văn X trộm 02 (Hai) con gà mái màu lông nâu đen, mỗi con nặng khoảng 1,5 kg, mang về nhà cất giấu rồi đem lên thành phố C bán được 100.000,đ (Một trăm nghìn đồng).

Lần thứ 5: Trong tháng 3 năm 2017, khoảng 22 giờ Nguyễn Văn L đi bộ từ nhà đến nhà anh Lê Văn K trộm 02 (Hai) con gà mái màu lông nâu đen, mỗi con nặng khoảng 01 kg, mang về nhà cất giấu, sáng hôm sau L dùng xe máy của gia đình chở ra thành phố C để bán, thì phát hiện một con bị chết, khi đến đoạn sông tại Nà C, xã C, L ném con gà chết xuống sông rồi tiếp tục đi lên thành phố C đổi con gà còn lại với một người đàn ông không biết tên, địa chỉ lấy 01 tép ma túy về sử dụng.

Lần thứ 6: Trong tháng 3 năm 2017, khoảng 22 giờ Nguyễn Văn L đến nhà anh Chu Văn T trộm 01 (Một) con gà thiến lông màu đỏ đen nặng hơn 02 kg, rồi đem lên thành phố C bán được 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng).

Lần thứ 7: Trong tháng 3 năm 2017, khoảng 16 giờ Nguyễn Văn L đi từ thành phố C về nhà, khi đi qua trước cửa nhà chị Lô Thị T, L lấy trộm 01 chiếc Mô tơ điện, sau khi trộm được L xách chiếc Mô tơ điện đi lên đường để đi về nhà thì gặp một vợ chồng đi thu mua sắt vụn không biết tên, địa chỉ ở đâu, theo hướng từ C ra thành phố C, nên đã bán chiếc Mô tơ điện cho vợ chồng thu mua sắt vụn được 150.000,đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tất cả các lần trộm cắp gà, L đều đem về nhà cất giấu, đến sáng hôm sau L lấy xe máy của gia đình chở gà đi bán cho một người phụ nữ buôn gà ở chợ x thành phố C (L không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể). Sau khi bán gà L đã sử dụng số tiền trên để mua ma túy về sử dụng và chi tiêu vào mục đích cá nhân hết.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện T, tỉnh C ra yêu cầu định giá tài sản số: 12, trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố hình sự huyện T đối với chiếc tivi LG - 80cm/32 in bị mất trộm. Ngày 21 tháng 7 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản có kết luận giá tài sản số: 10/KL- HĐĐGTS, chiếc tivi có giá trị là 5.000.000,đ (Năm triệu đồng).

Ngày 08/01/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện T, tỉnh C đã tiến hành điều tra xác minh, lấy lời khai của các bị hại, xác định đặc điểm, số lượng tài sản bị mất trộm đúng như Nguyễn Văn L khai nhận. Riêng đối với gia đình anh Lê Văn K trong các tháng 3,4,5 năm 2017 gia đình xác định không mất

gà và không có yêu cầu gì.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện T, tỉnh C ra yêu cầu định giá tài sản số: 08, trung cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ hình sự huyện T đối với 01 (một) chiếc Mô tơ điện, loại 4 KW của chị T, đã qua sử dụng, 03 (Ba) con gà của ông Nguyễn Trần L; 05 (Năm) con gà của gia đình bà Nguyễn Thị T; 02 con gà mái của gia đình ông Lô Văn X; 07 (Bảy) con gà mái tơ của gia đình bà Hà Thị N, 01 con gà thiến của anh Chu Văn T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 05/KL - HĐ ĐGTS, ngày 28/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản kết luận : 01 (Một) chiếc Mô tơ điện loại 4KW của chị Lô Thị T có giá trị là 1.700.000,đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng), số gà của từng gia đình bị mất trộm có giá trị: Nguyễn Trần L 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng chẵn); Nguyễn Thị T 990.000,đ (Chín trăm chín mươi nghìn đồng); Lô Văn X 320.000,đ (Ba trăm hai mươi nghìn đồng); Hà Thị N 1.365.000,đ (Một triệu ba trăm sáu mươi năm nghìn đồng); Chu Văn T 375.000,đ (Ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản do L trộm (Gồm gà, ti vi, Mô tơ điện) là 10.350.000,đ (Mười triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 13/02/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện T, tỉnh C tiến hành đối chất giữa L với ông Lê Minh H về số tiền mua bán chiếc ti vi do L trộm mà có. Kết quả đối chất giữa L và ông H vẫn giữ nguyên lời khai. Nguyễn Văn L công nhận việc mình bán chiếc ti vi trộm cắp được cho ông Lê Minh H với giá 1.000.000,đ (Một triệu đồng). Khi bán ti vi cho ông H, ông H đưa hai lần tiền, lần thứ nhất 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng) gồm 03 tờ mệnh giá 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng), lần thứ hai vào trưa ngày hôm sau L nhận với ông H 400.000,đ (Bốn trăm nghìn đồng) gồm 02 tờ mệnh giá 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng). Còn ông H khai được mua ti vi với L với giá 1.200.000,đ (Một triệu hai trăm nghìn) Lần đầu H đưa cho L 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng), không nhớ số tờ và mệnh giá tiền, lần thứ 2 vào buổi tối cùng ngày ông H đưa cho L 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng) cũng không nhớ số tờ và mệnh giá tiền. Tại phiên tòa bị cáo L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh H xác định chiếc ti vi mà L bán cho ông H với giá là 1.000.000,đ (Một triệu đồng) là phù hợp với lời khai của bị cáo.

Ngày 19/02/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện T đã tổ chức tiến hành thực nghiệm điều tra về hành vi trộm cắp chiếc ti vi, kết quả Nguyễn Văn L đã tự diễn lại hành vi trộm cắp của mình, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu có trong hồ sơ.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn L đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo L phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

Về bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại đến nay bị cáo L chưa bồi thường được gì.

Tại phiên tòa bị hại Lương Bích L, Lô Thị T khai bị mất trộm tài sản đúng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Lô Thị T có yêu cầu bị cáo bồi thường

theo Kết luận định giá tài sản số: 05/KL-HĐĐGTS, ngày 28/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thạch An. Bị hại Trường mầm non C người đại diện: Lương Bích L Chiếm tỉ vi 32 IN của Nhà trường đã được Cơ quan điều tra trả lại tài sản ngày 25/8/2017. Nay không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Các bị hại (Nguyễn Thị T, Hà Thị N, Nguyễn Trần L, Lô Văn X) tuy vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại cơ quan điều tra đã có lời khai và yêu cầu bị cáo L bồi thường và xử lý hình sự đối với bị cáo L theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Chu Văn T là người bị hại tại biên bản xác minh ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Công an huyện T và Công an xã C xác định anh T đã đi khỏi địa phương (bản thân anh T sống độc thân). Nên Cơ quan điều tra không tiến hành lấy lời khai làm rõ số tài sản bị mất và yêu cầu bồi thường tài sản bị mất đối với anh T được. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này anh T có yêu cầu bị cáo bồi thường sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với chiếc tỉ vi 32 in, nhãn hiệu LG, màu đen, viền tỉ vi màu xám, 01 (Một) điều khiển tỉ vi, 01 (Một) giắc cắm điện màu đen, 02 (Hai) giá đỡ ba chạc màu đen, tạm giữ ngày 20/7/2017 đối với ông Lê Minh H là vật chứng của vụ án. Xác định đây là số tài sản Nguyễn Văn L lấy trộm của trường mầm non C bán cho ông H. Ngày 25/8/2017 Cơ quan điều tra Công An huyện T đã trả lại cho trường Mầm non C để phục vụ cho công tác giảng dạy học của Nhà trường.

Đối với 01 (Một) chiếc chìa khóa tự chế có hình chữ (T) do L tự chế để mở khóa trộm cắp chiếc tỉ vi trên L đã cầm theo sang Trung Quốc làm thuê và đã đánh rơi nên cơ quan điều tra không thu thập được để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với người phụ nữ mua gà với Nguyễn Văn L Cơ quan điều tra đã phối hợp với Công An phường H, thành phố C, tiến hành xác minh theo lời khai của L nhưng không xác định được đối tượng để truy tìm lại tài sản cho gia đình các bị hại.

Đối với người bán ma túy cho L Cơ quan điều tra đã phối hợp với Công An phường S, thành phố C, tiến hành xác minh nhưng không xác định được đối tượng có đặc điểm như L đã khai để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với đôi vợ chồng thu mua sắt vụn đã mua chiếc Mô tơ điện với L do L (Không biết tên, tuổi, địa chỉ) cụ thể, nên Cơ quan điều tra không thể tiến hành xác minh để thu để trả lại cho bị hại và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe Mô tô BKS 11H1 - 0381 màu xanh đen, Nguyễn Văn L dùng để chở gà đi bán. Chiếc xe thuộc quyền sở hữu của ông Lục Văn L (Bố của L). Ông L không biết việc L sử dụng xe máy của mình để chở tài sản trộm cắp đi bán. Vì vậy chiếc xe máy trên Cơ quan điều tra không tạm giữ.

Đối với ông Lê Minh H là người mua chiếc tỉ vi với L, khi mua ông H không biết là tài sản do L trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Vật chứng của vụ án: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 như Cáo trạng số 05/CT-VKSTA ngày 18/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 138; Điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 18 tháng đến 24 tháng tù và bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường dân sự cho các bị hại và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Trong khoảng tháng 3 năm 2017 đến tháng 5 năm 2017, Nguyễn Văn L là người đã có hành vi thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản cụ thể: 01 (Một) chiếc ti vi màn hình phẳng hiệu LG 80cm/32 In; nhiều lần trộm cắp gà của các gia đình cùng thôn N, xã C gồm: 03(Ba) con gà của ông Nguyễn Trần L; 05 (Năm) con gà của bà Nguyễn Thị T; 02 (Hai) con gà mái của ông Lô Văn X; 07 (Bảy) con gà mái tơ của bà Hà Thị N; 01 con gà thiến của anh Chu Văn T; 01 (Một) chiếc mô tơ điện của chị Lô Thị T.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, Ngày 21 tháng 7 năm 2017 có kết luận định giá tài sản số: 10 kết luận: 01 (Một) chiếc ti vi màn hình phẳng hiệu LG 80cm/32 In trị giá 5.000.000,đ (Năm triệu đồng chẵn) của trường mầm non C, huyện T.

Theo kết luận định giá tài sản số: 05/KL- ĐGTS ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T.

+ 03 (Ba) con gà mái của ông Nguyễn Trần L, trị giá 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng); 05 (Năm) con gà của bà Nguyễn Thị T trị giá 990.000,đ (Chín trăm chín mươi nghìn đồng); 02 (Hai) con gà mái của ông Lô Văn X trị giá 320.000,đ

(Ba trăm hai mươi nghìn đồng); 07 (Bảy) con gà mái tơ của bà Hà Thị N trị giá 1.365.000,đ (Một triệu ba trăm sáu mươi năm nghìn đồng); 01 con gà trống thiến của anh Chu Văn T trị giá 375.000,đ (Ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng); 01 (Một) chiếc mô tô điện của chị Lô Thị T trị giá 1.700.000,đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản do Nguyễn Văn L trộm cắp là: 10.350.000,đ (Mười triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)

Do vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Cáo trạng số: 05/CT-VKSTA ngày 18/3/2019 của VKSND huyện T, tỉnh C truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Văn L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, không chịu làm ăn chân chính nên đã lợi dụng sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu là người sử dụng ma túy, đã bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh C xử phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2014/HSST, ngày 28 tháng 10 năm 2014, đến ngày 24/01/2016 bị cáo L chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, tính đến ngày phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích. Bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để phấn đấu trở thành người công dân có ích cho xã hội, mà vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật. Vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 - Bộ luật hình sự và bố bị cáo là ông Lục Văn L được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến công hạng ba do đó bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là tái phạm được quy định tại điểm h Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tiền sự: Không có.

Không áp dụng hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp khác đối với bị cáo.

Tiền án: Có 01 tiền án ngày 28 tháng 10 năm 2014 bị cáo L bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh C xử phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài

sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2014/HSST, ngày 24/01/2016 bị cáo L chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, tính đến ngày phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích.

Đối với 01 (Một) chiếc ti vi 32 IN, nhãn hiệu LG, màu đen, viền ti vi màu xám, 01 (Một) điều khiển ti vi, 01 (Một) giắc cắm điện màu đen, 02 (Hai) giá đỡ ba chạc màu đen tạm giữ ngày 20/7/2017. Ngày 25/8/2017, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã trả lại cho trường mầm non C để phục vụ cho công tác giảng dạy học của Nhà trường.

Đối với Các bị hại (Nguyễn Thị T, Hà Thị N, Nguyễn Trần L, Lô Văn X) tuy vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại cơ quan điều tra đã có lời khai và yêu cầu bị cáo L bồi thường và xử lý hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Chu Văn T không có mặt tại địa phương cơ quan điều tra không tiến hành xác minh, lấy lời khai để làm rõ số tài sản bị mất và yêu cầu của anh T được, nếu anh T có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với 01 (Một) chìa khóa tự chế có hình chữ (T) do Lập tự chế, Bị cáo L cầm theo sang T làm thuê đã đánh rơi, nên Cơ quan điều tra không thu thập được để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với người phụ nữ mua gà với Nguyễn Văn L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành xác minh theo lời khai của L nhưng không xác định được đối tượng để truy tìm lại tài sản cho gia đình các bị hại và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với người bán ma túy cho L Cơ quan Điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được đối tượng có đặc điểm như L đã khai để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với đôi vợ chồng thu mua sắt vụn mua chiếc Mô tơ điện với L, do không biết tên tuổi địa chỉ nên Cơ quan điều tra không thể tiến hành xác minh thu để trả lại cho bị hại và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe Mô tô BKS 11H1 - 0381 màu xanh đen là của ông Lục Văn L (Bố của L), L đã sử dụng chở gà đi bán nhưng ông L không biết việc L dùng xe mô tô của mình để chở tài sản trộm cắp đi bán, do vậy Cơ quan điều tra không tạm giữ chiếc xe trên.

Đối với gia đình anh Lê Văn K trong các tháng 3,4,5/2017 gia đình xác định không bị mất gà và cũng không có yêu cầu gì.

Đối với ông Lê Minh H là người đã mua chiếc ti vi với L, do ông không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T không có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Các bị hại (Nguyễn Thị T, Hà Thị N, Nguyễn Trần L, Lô Văn X) tuy vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại cơ quan điều tra đã có lời khai và yêu cầu bị cáo L bồi thường và xử lý hình sự đối với bị cáo Lập theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông H yêu cầu bị cáo Lập phải trả lại cho ông số tiền mà ông đã mua ti vi với Lập 1.000.000,đ (Một triệu đồng) là phù hợp.

[4] Kiểm sát viên đề xuất áp dụng các điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo và việc bồi thường dân sự là có căn cứ pháp luật.

[5] Phần tranh luận: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không tranh luận và không có ý kiến gì thêm.

[6] Phần nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa lỗi lầm, sớm trở về với gia đình.

[7] Về bồi thường dân sự: căn cứ khoản 1, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584; Điều 585; khoản 1, Điều 586; khoản 1, Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải bồi thường giá trị tài sản cho các bị hại theo kết luận định giá tài sản số: 05/KL - HĐ ĐGTS ngày 28/01/2019 như sau:

Chị Lô Thị T: 1.700.000,đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng); Ông Nguyễn Trần L: 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng); Bà Nguyễn Thị T: 990.000,đ (Chín trăm chín mươi nghìn đồng); Ông Lô Văn X: 320.000,đ (Ba trăm hai mươi nghìn đồng); Bà Hà Thị N: 1.365.000,đ (Một triệu ba trăm sáu mươi năm nghìn đồng). Ngoài ra bị cáo L phải trả lại tiền bán chiếc ti vi cho ông Lê Minh H: 1.000.000,đ (Một triệu đồng).

Đại diện trường mầm non C bà Lương Bích L tại phiên tòa không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

[8] Về vật chứng của vụ án: Không có

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, Điều 138; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điểm h Khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015; Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L - Phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L - 02 (Hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 04 tháng 01 năm 2019

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ: Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585, khoản 1 Điều 586; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải bồi thường cho các bị hại:

- Chị Lô Thị T: 1.700.000,đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng);

- Ông Nguyễn Trần L: 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng);

- Bà Nguyễn Thị T: 990.000,đ (Chín trăm chín mươi nghìn đồng);
- Ông Lô Văn X: 320.000,đ (Ba trăm hai mươi nghìn đồng);
- Bà Hà Thị N: 1.365.000,đ (Một triệu ba trăm sáu mươi năm nghìn đồng)
- Ông Lê Minh H: 1.000.000,đ (Một triệu đồng).

Tổng cộng bị cáo Nguyễn Văn L phải bồi thường : 5.975.000,đ (Năm triệu chín trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468; Nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 500.000,đ (Năm trăm nghìn đồng) sung công quỹ nhà nước.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai sơ thẩm bị cáo, người bị hại người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
(Đã ký)

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lý Minh Giang

Trần Đình Vỹ

Nguyễn Thị Hương